MẪU SỐ 1A

HỒ SƠ YÊU CẦU GÓI THẦU XÂY LẮP

(Kèm theo Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

HỒ SƠ YÊU CẦU
GÓI THẦU XÂY LẮP

Số hiệu gói thầu:	**_____**
Tên gói thầu:	**Thi công xây lắp**
Dự án/dự toán mua sắm:	**Sửa chữa trụ sở văn phòng Ban điều hành khu phố 5-6-7, khu phố 32-33-34, khu phố 35-36, Khu phố 37-38, khu phố 39-40-41, khu phố 47-48, khu phố 49-50-51 phường Tân Thuận**
Ban hành kèm theo Quyết định:	**Quyết định số 57/QĐ-VP ngày 05/11/2026 của Chánh văn phòng Văn phòng HĐND và UBND)**

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** **CHÁNH VĂN PHÒNG**

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15
Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Thông tư số 79/2025/TT-BTC	Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
VND	Đồng Việt Nam
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu thi công xây lắp thuộc công trình Sửa chữa trụ sở văn phòng Ban điều hành khu phố 5-6-7, khu phố 32-33-34, khu phố 35-36, Khu phố 37-38, khu phố 39-40-41, khu phố 47-48, khu phố 49-50-51 phường Tân Thuận.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Kinh phí tăng thu còn lại của Ủy ban nhân dân phường so với dự toán, dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2025 được chuyển sang năm 2026.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: **30 ngày**, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi yêu cầu làm rõ đến Chủ đầu tư trên Hệ thống trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu trên Hệ thống. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSĐX thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập HSĐX cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi

khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSĐX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSĐX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Mục 6. Thành phần của HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III, tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu;

2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương III (đối với trường hợp liên danh);

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;

4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;

5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C hoặc Mẫu số 04D hoặc Mẫu số 04E Chương III;

6. Các nội dung khác: Không

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

Mục 9. Hiệu lực của HSĐX

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX phải bảo đảm theo yêu cầu là **30 ngày**

kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Chuẩn bị và nộp HSĐX.

Nhà thầu chuẩn bị HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương này và đính kèm trên Hệ thống. Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSĐX trên Hệ thống. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp HSĐX sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSĐX do nhà thầu nộp trên Hệ thống phải bảo đảm trước thời điểm đóng thầu do chủ đầu tư quy định tại thông báo phát hành HSYC.

2. Mở thầu: **17:00 06/11/2026**.

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu sau thời điểm đóng thầu để tải HSĐX và lập Biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung sau:

- Tên nhà thầu (tham dự độc lập hay liên danh);
- Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSĐX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư.

Mục 12. Nhà thầu phụ

1. Các phần công việc của gói thầu không được sử dụng nhà thầu phụ bao gồm: Không có, nhà thầu được kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10A Chương III. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 10% trên giá dự thầu của nhà thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt:Không được phép.

Trong trường hợp được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 10B Chương III và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Tổ chuyên gia sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.3 Chương II. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt do nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu của HSYC (hoặc không đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt) và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì nhà thầu được phép đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt hoặc thay thế nhà thầu phụ đặc biệt khác đáp ứng yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt.

4. Việc quản lý nhà thầu phụ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 141 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Mục 13. Đánh giá HSĐX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;

2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;

3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;

- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);

- Tên Chủ đầu tư;

- Hình thức lựa chọn nhà thầu;

- Loại hợp đồng;

- Thời gian thực hiện gói thầu.

b) Thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu:

- Tên nhà thầu;

- Mã số thuế (nếu có);

- Giá dự thầu;

- Giá trúng thầu;

- Thời gian thực hiện gói thầu;

- Thời gian thực hiện hợp đồng;

- Tên, phạm vi công việc, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

d) Tài liệu đính kèm bao gồm:

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Biên bản mở thầu theo quy định tại Mục 11;

- Bản scan báo cáo đánh giá HSĐX có chữ ký của tất cả thành viên trong tổ chuyên gia (không bắt buộc kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu tại khoản này.

2. Hồ sơ yêu cầu được công khai đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư trong trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị trực tiếp: *Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận, Số 342 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Số điện thoại:02838723545.* Trường hợp gửi kiến nghị đến Chủ đầu tư trên Hệ thống, nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn trên Hệ thống.

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: *Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận, Số 342 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Số điện thoại:02838723545.*

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị: *Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận, Số 342 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Số điện thoại:02838723545.*

2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau*: Số 138 Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025.*

Mục 19. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: **Không có**

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

b) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;

c) Trường hợp liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

d) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I;

đ) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSĐX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSĐX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 10C Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	**Mô tả**	**Yêu cầu**	**Nhà thầu độc lập**	**Nhà thầu liên danh**		
				Tổng các thành viên liên danh	**Từng thành viên liên danh**	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	*Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023[(1)] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu [(2)].*	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế**	*Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế [(3)] của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.*	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	**Năng lực tài chính**					
3.1	**Kết quả hoạt động tài chính[(4)]**	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09A

3.2	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)**	*Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3[(5)]năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 3.606.000.000 VND[(6)].*	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09A
3.3	**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu**	*Không yêu cầu*	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09B, 09C
4	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự[(9)]**	***1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):*** "Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 [(10)] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn[(11)] tối thiểu 01 công trình có: Loại kết cấu: Công trình dân dụng, cấp: IV [(12)], có giá trị ≥ 1.202.000.000 VND [(13)] với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. ** Đính kèm bản chụp được chứng thực chứng minh (các tài liệu chứng minh năng lực hợp đồng hoàn thành là bản chụp và bản chính, bản chính sẽ trả lại nhà thầu khi đối chiếu):* *- Hợp đồng thi công công trình;* *- Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng hoặc*	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06

		thanh lý hợp đồng, *- Hóa đơn giá trị gia tăng của các đợt thanh toán*				

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp

tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ:

- Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm cam kết cung cấp tín dụng trong HSĐX.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số "t" trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì HSYC phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại

Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư, tổ chuyên gia không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố…).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự.

Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 02 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được đánh giá là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng "Trường trung học phổ thông A", bao gồm tổ hợp các công trình:

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m^2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m^2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m^2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A3 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m^2

Trong HSYC có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: "nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND" mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ .

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký

hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu.

a) Nhân sự chủ chốt

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong HSYC cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. HSYC không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07A, 07B và 07C Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự[(1)]	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn[(2)]
1	**CHỈ HUY TRƯỞNG**	1	Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm	1. Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành Xây dựng dân dụng

				và công nghiệp hoặc Kỹ thuật xây dựng 3. Có căn cước công dân còn thời hạn sử dụng theo quy định; 4. Có hợp đồng lao động (còn thời hạn) đối với nhà thầu hoặc tài liệu chứng minh nhân sự sẵn sàng cho gói thầu với trường hợp nhân sự không thuộc biên chế nhà thầu; 4. Đã từng đảm nhận vị trí, chức danh tương tự thi công hoàn thành tối thiểu 01 công trình dân dụng cấp IV trở lên (Nhà thầu tham dự thầu phải kèm theo các tài liệu để chứng minh)
2	Cán bộ kỹ thuật	1	Tối thiểu 3 năm kinh nghiệm	1. Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp hoặc Kỹ thuật xây dựng hoặc Kiến trúc; 2. Có căn cước công dân còn thời hạn sử dụng

				theo quy định; 4. Có hợp đồng lao động (còn thời hạn) đối với nhà thầu hoặc tài liệu chứng minh nhân sự sẵn sàng cho gói thầu với trường hợp nhân sự không thuộc biên chế nhà thầu; 5. Đã từng đảm nhận vị trí, chức danh tương tự thi công hoàn thành tối thiểu 01 công trình dân dụng cấp IV trở lên. (Nhà thầu tham dự thầu phải kèm theo các tài liệu để chứng minh được quy định).

Ghi chú:

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu

không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07D Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
n		

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có)

Tổ chuyên gia chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 12 Chương I. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:____*[ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt]*.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong

tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương IV, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong HSYC. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập HSYC phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được đưa ra yêu cầu về ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác. Nhà thầu được chào theo ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ các nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ yêu cầu hoặc ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ khác có chất lượng hàng hóa (đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng) tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà HSYC yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong HSYC, HSYC cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong HSYC.

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	Nội dung	**Yêu cầu**	
1	**Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công**		
1.1	Năng lực thi công của nhà thầu	- Có giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với gói thầu	Đạt
		HSĐX không cung cấp tài liệu minh chứng đủ các thông tin trên	Không đạt
1.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng	- Bảng kê nêu rõ và đầy đủ các vật tư chính sử dụng cho gói thầu (bao gồm: tên vật tư, nhãn hiệu, nhà cung cấp (hoặc nhà sản xuất hoặc đại lý) phù hợp yêu cầu thiết kế và yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V của HSYC.	Đạt
		HSĐX không có bảng kê vật tư rõ ràng theo yêu cầu HSYC	Không đạt
1.3	Giải pháp kỹ thuật	- Có thuyết minh bố trí công trường: thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công, bố trí rào chắn, biển báo, cấp điện, cấp nước, thoát nước, bãi đổ thải, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
		Không có hoặc thiếu ≥ 01 giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
1.4	Biện pháp kỹ thuật thi công	- Có thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công các công tác tháo dỡ: Trần, mái tole, nền gạch, cạo bỏ lớp vôi cũ. - Có thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công các công tác cải tạo: Trát tường gạch; Sơn mới; Ốp tường; Lát nền; Lắp dựng cửa; Lợp mái tole. - Có thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công các công tác chống thấm.	Đạt

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	Nội dung	**Yêu cầu**	
		- Có thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công các công tác lắp đặt hệ thống điện - Có thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công các công tác lắp đặt hệ thống nước.	
		Không có hoặc thiếu ≥ 01 biện pháp kỹ thuật thi công hoặc thiếu trình bày nội dung trong bản vẽ.	Không đạt
2	**Tiến độ thi công**		
2.1	Thời gian hoàn thành công trình: Ít hơn hoặc bằng 30 ngày (kể cả ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật) theo yêu cầu của HSYC.	- Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 30 ngày (kể cả ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật) có tính đến điều kiện thời tiết. - Nhà thầu đề xuất rút ngắn tiến độ thi công.	Đạt
		Đề xuất thời gian thực hiện gói thầu vượt quá 30 ngày	Không đạt
2.2	Khả năng huy động nhân sự, thiết bị thi công	- Nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.	Đạt
		Nhà thầu không có cam kết theo yêu cầu HSYC	Không đạt
3	**Tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường; Các biện pháp bảo đảm chất lượng; Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường; Bảo đảm an toàn lao động; Bảo đảm phòng cháy, chữa cháy**		
3.1	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng bộ phận.	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng bộ phận, đội thi công	Đạt
		Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng từng bộ phận, đội thi công.	Không đạt
3.2	Các biện pháp bảo đảm chất lượng	- Có biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công các hạng mục chính của công trình hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầyđủ; - Quản lý chất lượng vật tư: Có quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng, bảo quản	Đạt

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	Nội dung	**Yêu cầu**	
		vật tư, vật liệu;	
		Không có biện pháp bảo đảm chất lượng/ thiếu biện pháp đảm bảo chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không đầy đủ.	Không đạt
3.3	Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường	Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý (có minh họa), khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công: biện pháp xử lý bụi và khói, rung, kiểm soát nước thải, kiểm soát rác thải, vệ sinh	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
3.4	Biện pháp an toàn lao động.	Biện pháp an toàn lao động, có hình ảnh minh họa về biện pháp tổ chức thi công: Người cảnh giới, biển chỉ dẫn, cờ hiệu, đèn báo, biển hiệu, trang phục khi thi công; Tổ chức đào tạo an toàn cho công nhân, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động.	Đạt
		Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không đầy đủ.	Không đạt
3.5	Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	Biện pháp phòng cháy, chữa cháy (có minh họa) hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
		Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
4	**Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì**		
4.1	Thời gian bảo hành	Nhà thầu đề xuất thời gian bảo hành công	Đạt

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	Nội dung	**Yêu cầu**	
	công trình	trình ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.	
		Đề xuất thời gian bảo hành công trình không đáp ứng yêu cầu của HSYC.	Không đạt
4.2	Kế hoạch bảo trì công trình trong thời gian bảo hành	Có trình bày kế hoạch bảo trì công trình trong thời gian bảo hành.	Đạt
		Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không phù hợp với công trình.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*
(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, __*[Ghi tên nhà thầu],* có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu__*[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là__*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của HSYC]*.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu(2).

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và

các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu(1)

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là__*[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của __ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại_ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho___ *[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu__ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc ___ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do___ *[Ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.] [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Gói thầu: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ [(1)]____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ[(1)]____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ HSYC Gói thầu: _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[Ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ *[Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(2):

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSĐX cho cả liên danh.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây (3):

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng

			giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh *(Hệ thống tự động trích xuất)*	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....	....	....	.....
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Mẫu số 04A

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU[(1)]

(Đối với loại hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc[(2)]	Khối lượng tham khảo[(3)]	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục[(4)]
I	**HẠNG MỤC: TRỤ SỞ BAN ĐIỀU HÀNH KHU PHỐ 5-6-7**			
	PHẦN THÁO DỠ:			
1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài	0,992	100m2	
2	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong	0,960	100m2	
3	Tháo dỡ mái tôn	60,880	m2	
4	Tháo dỡ xà gồ mái	0,293	tấn	
5	Tháo dỡ trần	36,000	m2	
6	Phá dỡ tường	2,034	m3	
7	Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại	2,136	m2	
8	Phá dỡ nền; Nền láng vữa xi măng	2,136	m2	
9	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	2,422	m3	
10	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 0,5T	2,422	m3	
11	Vận chuyển phế thải tiếp 10Km bằng ô tô 0,5T	2,422	m3	
	CẢI TẠO PHẦN MÁI			
12	Lắp dựng cốt thép Giằng Tường, D6mm	0,010	tấn	
13	Lắp dựng cốt thép Giằng Tường, D10mm	0,030	tấn	
14	Ván khuôn gỗ Giằng Tường	0,062	100m2	
15	Bê tông Giằng Tường, M250, đá 1x2, PCB40	0,248	m3	
16	Xây tường bằng gạch ống 8x8x18cm, vữa XM M75, PCB40	0,928	m3	
17	Trát tường chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB40	18,560	m2	
18	Gia công xà gồ	0,355	tấn	
19	Sơn xà gồ bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	23,410	m2	
20	Lắp dựng xà gồ	0,355	tấn	

21	Lợp mái bằng tôn sóng vuông dày 0,45mm	0,593	100m2	
22	Thi công trần bằng tấm thạch cao khung nổi, khổ 600x600mm	33,600	m2	
	PHẦN SƠN CỬA			
23	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	14,150	m2	
24	Gia công cửa nhôm xinfa	7,750	m2	
25	Lắp dựng cửa vào khuôn	10,950	1m2	
	PHẦN SƠN TƯỜNG			
26	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường trong nhà	86,800	m2	
27	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường ngoài nhà	84,000	m2	
28	Công tác bả bằng bột bả vào tường ngoài nhà	84,000	m2	
29	Công tác bả bằng bột bả vào tường trong nhà	86,800	m2	
30	Sơn tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	86,800	m2	
31	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	84,000	m2	
	CẢI TẠO PHẦN ĐIỆN			
32	Tháo dỡ hệ thống điện, thiết bị điện (NC)	10,000	công	
33	Lắp đặt dây đơn CV 1x1,5mm2	240,000	m	
34	Lắp đặt dây đơn CV 1x2,5mm2	120,000	m	
35	Lắp đặt dây đơn CV 1x4,0mm2	50,000	m	
36	Lắp đặt ống nhựa xoắn D20mm	120,000	m	
37	Lắp đặt hộp nhựa, 10x20mm	20,000	m	
38	Lắp đặt các aptomat 1 pha 40A	1,000	cái	
39	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat	6,000	hộp	
40	Lắp đặt công tắc 2 hạt	1,000	cái	
41	Lắp đặt ổ cắm đôi	5,000	cái	
42	Lắp đặt quạt treo tường	4,000	cái	
43	Lắp đặt đèn sát trần có chao chụp	10,000	bộ	

	VỆ SINH, CHÀ RON NỀN			
44	Láng nền, dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	2,136	m2	
45	Lát nền bằng gạch ceramic 400x400mm, vữa XM M75, PCB40	2,136	m2	
46	Đục nhám mặt tường cũ	31,350	m2	
47	Ốp tường bằng gạch ceramic 300x600mm, vữa XM M75, PCB40	31,350	m2	
48	Vệ sinh, chà ron nền	33,600	m2	
49	Dọn vệ sinh công trình phục vụ nghiệm thu bàn giao (NC)	20,000	công	
	HẠNG MỤC: TRỤ SỞ BAN ĐIỀU HÀNH KHU PHỐ 32-33-34			
	NÂNG NỀN BỤC SÂN KHẤU + WC			
1	Phá dỡ tường xây gạch	0,596	m3	
2	Phá dỡ nền lát gạch	14,510	m2	
3	Phá dỡ nền bê tông, không cốt thép	1,451	m3	
4	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	2,192	m3	
5	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	2,192	m3	
6	Vận chuyển phế thải tiếp 10Km bằng ô tô 0,5T	2,192	m3	
7	Xây tam cấp bằng gạch thẻ 4x8x18cm, vữa XM M75	2,469	m3	
8	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	0,065	100m3	
9	Rải giấy dầu lớp cách ly	0,145	100m2	
10	Lắp dựng cốt thép nền, D10mm	0,727	tấn	
11	Bê tông nền, M250, đá 1x2	1,451	m3	
12	Láng nền, dày 2cm, vữa XM M75	18,868	m2	
13	Lát nền bằng gạch ceramic 400x400mm, vữa XM M75	16,138	m2	
14	Lát nền bằng gạch ceramic 300x300mm nhám, vữa XM M75	2,730	m2	
	THAY MÁI + TRẦN			
15	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài	0,623	100m2	
16	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong	1,152	100m2	
17	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m-Mỗi 1,2m tăng thêm	0,400	100m2	
18	Tháo dỡ mái tôn	87,010	m2	

19	Tháo dỡ vì kèo, xà gồ mái	0,945	tấn	
20	Tháo dỡ trần	50,400	m2	
21	Gia công xà gồ	0,981	tấn	
22	Sơn vì kèo, xà gồ bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	64,670	m2	
23	Lắp dựng xà gồ	0,981	tấn	
24	Lợp mái bằng tôn sóng vuông dày 0,45mm	0,870	100m2	
25	Thi công trần thạch cao khung nổi, khổ 600x600mm	50,400	m2	
	PHẦN CỬA			
26	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	36,500	m2	
27	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt cửa	36,500	m2	
28	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt kính cửa	36,500	m2	
29	Sơn cửa bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	36,500	m2	
30	Lắp dựng cửa vào khuôn	36,500	m2	
	PHẦN SƠN NƯỚC			
31	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường ngoài	111,000	m2	
32	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường trong	109,470	m2	
33	Công tác bả bằng bột bả vào tường ngoài	111,000	m2	
34	Công tác bả bằng bột bả vào tường trong	109,470	m2	
35	Sơn dầm tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	109,470	m2	
36	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	111,000	m2	
	PHẦN ĐIỆN			
37	Tháo dỡ hệ thống điện, thiết bị điện (NC)	10,000	công	
38	Lắp đặt dây đơn CV 1x1,5mm2	500,000	m	
39	Lắp đặt dây đơn CV 1x2,5mm2	300,000	m	
40	Lắp đặt dây đơn CV 1x4,0mm2	100,000	m	
41	Lắp đặt ống nhựa xoắn D20mm		m	

		200,000		
42	Lắp đặt hộp nhựa; Tiết diện 10x20mm	80,000	m	
43	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat	9,000	hộp	
44	Lắp đặt các aptomat 1 pha 40A	2,000	cái	
45	Lắp đặt công tắc 1 hạt	3,000	cái	
46	Lắp đặt ổ cắm đôi	2,000	cái	
47	Lắp đặt quạt treo tường	4,000	cái	
48	Lắp đặt quạt trần	2,000	cái	
49	Lắp đặt đèn sát trần có chao chụp	21,000	bộ	
	PHẦN NƯỚC			
50	Tháo dỡ hệ thống nước, thiết bị nước (NC)	10,000	công	
51	Tháo dỡ bệ xí	1,000	bộ	
52	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, …)	8,000	bộ	
53	Lắp đặt xí bệt	1,000	bộ	
54	Lắp đặt hộp đựng giấy	1,000	cái	
55	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	1,000	cái	
56	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	1,000	bộ	
57	Lắp đặt gương soi	1,000	bộ	
58	Lắp đặt kệ kính	1,000	cái	
59	Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen	1,000	bộ	
60	Lắp đặt giá treo khăn	1,000	cái	
61	Lắp đặt phễu thu; Đường kính 100mm	1,000	cái	
62	Lắp đặt ống nhựa uPVC D21x1,7mm	0,320	100m	
63	Lắp đặt ống nhựa uPVC D27x2,0mm	0,120	100m	
64	Lắp đặt ống nhựa uPVC D32x2,2mm	0,120	100m	
65	Lắp đặt ống nhựa uPVC D90x3,5mm	0,320	100m	
66	Lắp đặt ống nhựa uPVC D114x5,7mm	0,040	100m	
67	Lắp đặt CO 90 nhựa uPVC D21mm	12,000	cái	
68	Lắp đặt CO 135 nhựa uPVC D21mm	4,000	cái	
69	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D27mm	8,000	cái	
70	Lắp đặt CO 135 nhựa uPVC D27mm	3,000	cái	
71	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D34mm	12,000	cái	
72	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D34mm	2,000	cái	
73	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D90mm	8,000	cái	
74	Lắp đặt Co 135 nhựa PVC D90mm	3,000	cái	

75	Lắp đặt Co 135 nhựa PVCD 114mm	4,000	cái	
76	Lắp đặt bể nước Inox 1,5m3	1,000	bể	
	VỆ SINH, CHÀ RON NỀN			
77	Vệ sinh, chà ron nền	50,610	m2	
78	Dọn vệ sinh công trình phục vụ nghiệm thu bàn giao (NC)	20,000	công	
	HẠNG MỤC: TRỤ SỞ BAN ĐIỀU HÀNH KHU PHỐ 35-36			
	PHẦN SƠN CỬA			
1	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	48,705	m2	
2	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt cửa	48,705	m2	
3	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt kính cửa	48,705	m2	
4	Sơn cửa bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	48,705	m2	
5	Lắp dựng cửa vào khuôn	48,705	m2	
	PHẦN SƠN TƯỜNG + ỐP TƯỜNG			
6	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài	1,519	100m2	
7	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong	0,994	100m2	
8	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m-Mỗi 1,2m tăng thêm	0,524	100m2	
9	Đục nhám mặt tường cũ trước khi ốp gạch	142,691	m2	
10	Ốp tường bằng gạch ceramic 300x600mm, vữa XM M75	142,691	m2	
11	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường trong	110,448	m2	
12	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường ngoài	199,828	m2	
13	Công tác bả bằng bột bả vào tường ngoài	199,828	m2	
14	Công tác bả bằng bột bả vào tường trong	110,448	m2	
15	Sơn tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	110,448	m2	
16	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	199,828	m2	
	PHẦN NƯỚC			
17	Tháo dỡ hệ thống nước, thiết bị nước (NC)	10,000	công	

18	Tháo dỡ bệ xí	1,000	bộ	
19	Tháo dỡ chậu rửa	1,000	bộ	
20	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, …)	7,000	bộ	
21	Lắp đặt xí bệt	1,000	bộ	
22	Lắp đặt hộp đựng giấy	1,000	cái	
23	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	1,000	cái	
24	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	1,000	bộ	
25	Lắp đặt gương soi	1,000	bộ	
26	Lắp đặt kệ kính	1,000	cái	
27	Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen	1,000	bộ	
28	Lắp đặt giá treo khăn	1,000	cái	
29	Lắp đặt phễu thu; Đường kính 100mm	1,000	cái	
30	Lắp đặt ống nhựa uPVC D21x1,7mm	0,320	100m	
31	Lắp đặt ống nhựa uPVC D27x2,0mm	0,200	100m	
32	Lắp đặt ống nhựa uPVC D34x2,2mm	0,160	100m	
33	Lắp đặt ống nhựa uPVC D90x4,5mm	0,320	100m	
34	Lắp đặt ống nhựa uPVC D114x5,7mm	0,040	100m	
35	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D21mm	12,000	cái	
36	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D21mm	8,000	cái	
37	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D27mm	8,000	cái	
38	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D27mm	4,000	cái	
39	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D34mm	8,000	cái	
40	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D34mm	6,000	cái	
41	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D90mm	8,000	cái	
42	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D90mm	3,000	cái	
43	Lắp đặt Co 135 nhựa PVC D114mm	4	cái	
44	Lắp đặt bể nước Inox 1,5m3	1,000	bể	
	VỆ SINH, CHÀ RON NỀN			
45	Vệ sinh, chà ron nền	91,400	m2	
46	Dọn vệ sinh công trình phục vụ nghiệm thu bàn giao (NC)	20,000	công	
	HẠNG MỤC: TRỤ SỞ BAN ĐIỀU HÀNH KHU PHỐ 37-38			
	THÁO DỠ			
1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài	3,074	100m2	
2	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công	65,530	m2	
3	Tháo dỡ xà gồ sắt thép bằng thủ công	0,437	tấn	

4	Tháo dỡ trần	49,930	m2	
5	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	14,040	m2	
6	Phá dỡ nền gạch	190,350	m2	
7	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	207,890	m2	
8	Phá dỡ nền bê tông, không cốt thép	6,367	m3	
9	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kw	2,088	m3	
10	Phá dỡ tường xây gạch	9,991	m3	
11	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	24,957	m3	
12	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 0,5T	24,957	m3	
13	Vận chuyển phế thải tiếp 10Km bằng ô tô 0,5T	24,957	m3	
14	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường ngoài nhà	259,092	m2	
15	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường trong nhà	456,291	m2	
16	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt lan can	17,180	m2	
	CẢI TẠO PHẦN NỀN - SÀN			
17	Đào đất bể tự hoại	6,271	1m3	
18	Bê tông lót móng, M150, đá 1x2, PCB40	1,321	m3	
19	Lắp dựng cốt thép móng, D10mm	0,036	tấn	
20	Bê tông móng, M250, đá 1x2, XM PCB40	0,233	m3	
21	Ván khuôn thành bể tự hoại	0,235	100m2	
22	Lắp đặt ống nhựa uPVC D114x5,7mm	0,040	100m	
23	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D114mm	3,000	cái	
24	Bê tông thành BTH, M250, đá 1x2, PCB40	1,018	m3	
25	Xây tường tam cấp bằng 4x8x18cm, vữa XM M75, PCB40	1,722	m3	
26	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	0,400	100m3	
27	Rải giấy dầu lớp cách ly	0,673	100m2	
28	Khoan cấy thép D14 vào bê tông bằng keo Ramset, lỗ khoan D16, chiều sâu cấy 150mm, bao gồm khoan, vệ sinh lỗ khoan, bơm keo và cấy thép hoàn chỉnh.	18,000	Lỗ	
29	Lắp dựng cốt thép Đà Kiềng, D6mm	0,012	tấn	

30	Lắp dựng cốt thép Đà Kiềng, D14mm	0,065	tấn	
31	Ván khuôn gỗ Đà Kiềng	0,040	100m2	
32	Bê tông Đà Kiềng, M250, đá 1x2, PCB40	0,266	m3	
33	Lắp dựng cốt thép nền, D10mm	1,116	tấn	
34	Bê tông nền, M250, đá 1x2, PCB40	6,851	m3	
35	Láng nền, dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	120,595	m2	
36	Lát nền bằng gạch ceramic 600x600mm, vữa XM M75, PCB40	120,595	m2	
37	Quét dung dịch chống thấm	91,133	m2	
38	Láng nền, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	86,868	m2	
39	Lát nền bằng gạch ceramic 300x300 nhám, vữa XM M75, PCB40	9,750	m2	
40	Lát nền bằng gạch ceramic 600x600mm nhám, vữa XM M75, PCB40	64,420	m2	
	CẢI TẠO PHẦN SƠN NƯỚC			
41	Xây tường bằng gạch ống 8x8x18cm, vữa XM M75, PCB40	6,915	m3	
42	Trát tường trong; Chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB40	122,692	m2	
43	Trát tường ngoài; Chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB40	8,152	m2	
44	Lắp dựng cốt thép lanh tô, D6mm	0,001	tấn	
45	Lắp dựng cốt thép lanh tô, D10mm	0,004	tấn	
46	Ván khuôn gỗ lanh tô	0,017	100m2	
47	Bê tông lanh tô, M250, đá 1x2, PCB40	0,066	m3	
48	Công tác bả bằng bột bả vào tường trong	413,203	m2	
49	Công tác bả bằng bột bả vào tường ngoài	267,244	m2	
50	Sơn tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	290,511	m2	
51	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	267,244	m2	
52	Sơn lan can bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	17,180	1m2	
53	Đục nhám mặt tường cũ	165,780	m2	
54	Ốp tường bằng gạch ceramic 300x600mm, vữa XM M75, PCB40	165,780	m2	
	CẢI TẠO PHẦN CỬA			

55	Gia công cửa nhôm xinfa	33,430	m2	
56	Lắp dựng cửa vào khuôn	33,430	1m2	
57	Cắt và lắp kính vào cửa, dày 7mm	30,230	m2	
58	Vệ sinh, đánh bóng cầu thang trát Granito	10,800	m2	
	CẢI TẠO PHẦN ĐIỆN			
59	Tháo dỡ hệ thống điện, thiết bị điện (NC)	10,000	công	
60	Lắp đặt dây đơn CV 1x1,5mm2	1.200,000	m	
61	Lắp đặt dây đơn CV 1x2,5mm2	850,000	m	
62	Lắp đặt dây đơn CV 1x4,0mm2	600,000	m	
63	Lắp đặt ống nhựa xoắn D20mm	600,000	m	
64	Lắp đặt hộp nhựa, 10x20mm	100,000	m	
65	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat	41,000	hộp	
66	Lắp đặt cầu dao 3 cực một chiều 60A	2,000	bộ	
67	Lắp đặt các aptomat 1 pha 40A	3,000	cái	
68	Lắp đặt công tắc 1 hạt	6,000	cái	
69	Lắp đặt công tắc 2 hạt	2,000	cái	
70	Lắp đặt công tắc 3 hạt	5,000	cái	
71	Lắp đặt ổ cắm đôi	20,000	cái	
72	Lắp đặt quạt treo tường	6,000	cái	
73	Lắp đặt quạt trần	6,000	cái	
74	Lắp đặt đèn ống dài 1,2m, hộp đèn 2 bóng	17,000	bộ	
	CẢI TẠO PHẦN NƯỚC			
75	Tháo dỡ hệ thống nước, thiết bị nước (NC)	10,000	công	
76	Tháo dỡ bệ xí	1,000	bộ	
77	Tháo dỡ chậu rửa	1,000	bộ	
78	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, …)	5,000	bộ	
79	Lắp đặt xí bệt	2,000	bộ	
80	Lắp đặt hộp đựng giấy	2,000	cái	
81	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	2,000	cái	

82	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	1,000	bộ	
83	Lắp đặt gương soi	1,000	bộ	
84	Lắp đặt kệ kính	1,000	cái	
85	Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen	2,000	bộ	
86	Lắp đặt giá treo khăn	2,000	cái	
87	Lắp đặt phễu thu; Đường kính 100mm	2,000	cái	
88	Lắp đặt ống nhựa uPVC D21x1,7mm	0,320	100m	
89	Lắp đặt ống nhựa uPVC D27x2,0mm	0,320	100m	
90	Lắp đặt ống nhựa uPVC D34x2,2mm	0,400	100m	
91	Lắp đặt ống nhựa uPVC D90x4,5mm	0,600	100m	
92	Lắp đặt ống nhựa uPVC D114x5,7mm	0,200	100m	
93	Lắp đặt co 90 nhựa uPVC D21mm	24,000	cái	
94	Lắp đặt co 135 nhựa uPVC D21mm	32,000	cái	
95	Lắp đặt co Tê nhựa uPVC D21mm	22,000	cái	
96	Lắp đặt co 90 nhựa uPVC D27mm	19,000	cái	
97	Lắp đặt co 135 nhựa uPVC D27mm	32,000	cái	
98	Lắp đặt co 90 nhựa uPVC D34mm	10,000	cái	
99	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D34mm	20,000	cái	
100	Lắp đặt co 90 nhựa uPVC D90mm	16,000	cái	
101	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D90mm	12,000	cái	
102	Lắp đặt co 135 nhựa uPVC D114mm	10,000	cái	
103	Lắp đặt bể nước Inox 1,5m3	1,000	bể	
104	Dọn vệ sinh công trình phục vụ nghiệm thu bàn giao (NC)	30,000	công	
	HẠNG MỤC: TRỤ SỞ BAN ĐIỀU HÀNH KHU PHỐ 39-40-41			
	CẢI TẠO NHÀ VỆ SINH			
1	Phá dỡ nền gạch	2,784	m2	
2	Phá dỡ nền bê tông, không cốt thép	0,139	m3	
3	Phá dỡ tam cấp	0,085	m3	
4	Tháo dỡ gạch ốp tường	9,992	m2	
5	Phá dỡ tường mở lỗ cửa	0,160	m3	
6	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	0,512	m3	

7	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 0,5T	0,512	m3	
8	Vận chuyển phế thải tiếp 10Km bằng ô tô 0,5T	0,512	m3	
9	Xây tường bít lỗ cửa bằng gạch ống 8x8x18cm, vữa XM M75, PCB40	0,160	m3	
10	Trát tường ngoài; Chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB40	1,600	m2	
11	Trát tường trong; Chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB40	2,080	m2	
12	Đục nhám mặt tường cũ	17,088	m2	
13	Ốp tường bằng gạch ceramic 300x600mm, vữa XM M75, PCB40	17,088	m2	
14	Rải giấy dầu lớp cách ly	0,028	100m2	
15	Bê tông nền, đá 1x2, vữa BT M250, XM PCB40	0,223	m3	
16	Láng nền, dày 3cm, vữa XM M75, XM PCB40	2,784	m2	
17	Lát nền bằng gạch ceramic 300x300mm nhám, vữa XM M75, PCB40	2,784	m2	
	PHẦN SƠN CỬA			
18	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	11,510	m2	
19	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt cửa	11,510	m2	
20	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt kính cửa	11,510	m2	
21	Sơn cửa bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	11,510	m2	
22	Lắp dựng cửa vào khuôn	11,510	m2	
23	Gia công cửa nhôm xinfa	1,600	m2	
24	Lắp dựng cửa vào khuôn	1,600	1m2	
25	Cắt và lắp lam ri nhôm cửa	1,600	m2	
	PHẦN SƠN TƯỜNG			
26	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài	1,925	100m2	
27	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong	1,320	100m2	
28	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m-Mỗi 1,2m tăng thêm	0,202	100m2	
29	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường trong nhà	138,361	m2	

30	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường ngoài nhà	192,465	m2	
31	Công tác bả bằng bột bả vào tường ngoài nhà	192,465	m2	
32	Công tác bả bằng bột bả vào tường trong nhà	138,361	m2	
33	Sơn tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	138,361	m2	
34	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	192,465	m2	
	THAY TRANG THIẾT BỊ VỆ SINH			
35	Tháo dỡ hệ thống nước, thiết bị nước (NC)	10,000	công	
36	Tháo dỡ bệ xí	1,000	bộ	
37	Tháo dỡ chậu rửa	1,000	bộ	
38	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, …)	6,000	bộ	
39	Lắp đặt xí bệt	1,000	bộ	
40	Lắp đặt hộp đựng giấy	1,000	cái	
41	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	1,000	cái	
42	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	1,000	bộ	
43	Lắp đặt gương soi	1,000	bộ	
44	Lắp đặt kệ kính	1,000	cái	
45	Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen	1,000	bộ	
46	Lắp đặt giá treo khăn	1,000	cái	
47	Lắp đặt phễu thu; Đường kính 100mm	1,000	cái	
48	Lắp đặt ống nhựa uPVC D21x1,7mm	0,080	100m	
49	Lắp đặt ống nhựa uPVC D27x2,0mm	0,320	100m	
50	Lắp đặt ống nhựa uPVC D34x2,2mm	0,080	100m	
51	Lắp đặt ống nhựa uPVC D90x4,5mm	0,320	100m	
52	Lắp đặt ống nhựa uPVC D114x5,7mm	0,080	100m	
53	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D21mm	8,000	cái	
54	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D21mm	4,000	cái	
55	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D27mm	6,000	cái	
56	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D27mm	3,000	cái	
57	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D34mm	2,000	cái	
58	Lắp đặt Co 135 nhựa PVC D34mm	1,000	cái	
59	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D90mm	6,000	cái	
60	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D90mm	5,000	cái	
61	Lắp đặt Co 135 nhựa PVC D114mm	4,000	cái	
62	Lắp đặt bể nước Inox 1,5m3	1,000	bể	

	VỆ SINH, CHÀ RON NỀN			
63	Vệ sinh, chà ron nền	60,667	m2	
64	Dọn vệ sinh công trình phục vụ nghiệm thu bàn giao (NC)	20,000	công	
	HẠNG MỤC: TRỤ SỞ BAN ĐIỀU HÀNH KHU PHỐ 47-48			
	PHẦN THAY CỬA			
1	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	16,120	m2	
2	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	4,510	m2	
3	Gia công cửa nhôm xinfa	16,120	m2	
4	Lắp dựng cửa vào khuôn	16,120	1m2	
5	Cắt và lắp kính dày 7mm	18,320	m2	
	PHẦN THAY TRẦN			
6	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài	0,593	100m2	
7	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong	3,010	100m2	
8	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m-Mỗi 1,2m tăng thêm	0,860	100m2	
9	Tháo dỡ trần	66,662	m2	
10	Thi công trần bằng tấm thạch cao khung nổi, khổ 600x600mm	66,662	m2	
	PHẦN SƠN NƯỚC			
11	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường ngoài	188,349	m2	
12	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường trong	172,949	m2	
13	Công tác bả bằng bột bả vào tường ngoài	188,349	m2	
14	Công tác bả bằng bột bả vào tường trong	172,949	m2	
15	Sơn tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	172,949	m2	
16	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	188,349	m2	
	PHẦN ĐIỆN			
17	Tháo dỡ hệ thống điện, thiết bị điện (NC)	10,000	công	
18	Lắp đặt dây đơn CV 1x1,5mm2	600,000	m	

19	Lắp đặt dây đơn CV 1x2,5mm2	350,000	m	
20	Lắp đặt dây đơn CV 1x4,0mm2	100,000	m	
21	Lắp đặt ống nhựa xoắn D20mm	450,000	m	
22	Lắp đặt hộp nhựa, 10x20mm	80,000	m	
23	Lắp đặt các aptomat 1 pha 40A	2,000	cái	
24	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat	23,000	hộp	
25	Lắp đặt công tắc 1 hạt	3,000	cái	
26	Lắp đặt công tắc 2 hạt	2,000	cái	
27	Lắp đặt ổ cắm đôi	17,000	cái	
28	Lắp đặt quạt treo tường	5,000	cái	
29	Lắp đặt quạt trần	3,000	cái	
30	Lắp đặt đèn ống dài 1,2m, hộp đèn 2 bóng	10,000	bộ	
31	Lắp đặt đèn ống dài 0,6m, hộp đèn 1 bóng	1,000	bộ	
	PHẦN NƯỚC			
32	Tháo dỡ hệ thống nước, thiết bị nước (NC)	10,000	công	
33	Tháo dỡ bệ xí	1,000	bộ	
34	Tháo dỡ chậu rửa	1,000	bộ	
35	Tháo dỡ chậu tiểu	1,000	bộ	
36	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, …)	7,000	bộ	
37	Lắp đặt xí bệt	1,000	bộ	
38	Lắp đặt hộp đựng giấy	1,000	cái	
39	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	1,000	cái	
40	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	1,000	bộ	
41	Lắp đặt gương soi	1,000	bộ	
42	Lắp đặt kệ kính	1,000	cái	
43	Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen	1,000	bộ	
44	Lắp đặt giá treo khăn	1,000	cái	
45	Lắp đặt phễu thu; Đường kính 100mm	1,000	cái	
46	Lắp đặt ống nhựa uPVC D21x1,7mm	0,320	100m	
47	Lắp đặt ống nhựa uPVC D27x2,0mm	0,320	100m	
48	Lắp đặt ống nhựa uPVC D34x2,2mm	0,240	100m	
49	Lắp đặt ống nhựa uPVC D90x4,5mm	0,320	100m	
50	Lắp đặt ống nhựa uPVC D114x5,7mm	0,120	100m	

51	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D21mm	12,000	cái	
52	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D21mm	8,000	cái	
53	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D27mm	8,000	cái	
54	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D27mm	6,000	cái	
55	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D34mm	4,000	cái	
56	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D34mm	3,000	cái	
57	Lắp đặt Co 90 nhựa uPVC D90mm	6,000	cái	
58	Lắp đặt Co 135 nhựa uPVC D90mm	8,000	cái	
59	Lắp đặt côn, cút nhựa uPVC D114mm	4,000	cái	
60	Lắp đặt bể nước Inox 1,5m3	1,000	bể	
	VỆ SINH, CHÀ RON NỀN			
61	Vệ sinh, chà ron nền	69,610	m2	
62	Dọn vệ sinh công trình phục vụ nghiệm thu bàn giao (NC)	20,000	công	
	HẠNG MỤC: TRỤ SỞ BAN ĐIỀU HÀNH KHU PHỐ 49-50-51			
	PHẦN THAY MÁI + TRẦN			
1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài	0,201	100m2	
2	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong	0,871	100m2	
3	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m-Mỗi 1,2m tăng thêm	0,339	100m2	
4	Tháo dỡ mái tôn	57,275	m2	
5	Tháo dỡ cột thép và xà gồ mái	0,377	tấn	
6	Tháo dỡ trần	35,490	m2	
7	Gia công xà gồ	0,385	tấn	
8	Sơn cột, xà gồ bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	23,382	m2	
9	Lắp dựng xà gồ	0,385	tấn	
10	Lợp mái bằng tôn sóng vuông dày 0,45mm	0,573	100m2	
11	Thi công trần bằng tấm thạch cao khung nổi, khổ 600x600mm	35,490	m2	
	CHỐNG THẤM SÊ NÔ			
12	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	4,603	m2	
13	Đục tẩy bề mặt sê nô trước khi chống thấm	4,603	m2	
14	Quét dung dịch chống thấm	4,603	m2	
15	Láng nền, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	4,603	m2	
	PHẦN SƠN CỬA			

16	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	7,336	m2	
17	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt cửa	7,336	m2	
18	Sơn cửa bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	7,336	m2	
	PHẦN SƠN NƯỚC			
19	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường ngoài	109,491	m2	
20	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường trong	143,835	m2	
21	Công tác bả bằng bột bả vào tường ngoài	109,491	m2	
22	Công tác bả bằng bột bả vào tường trong	143,835	m2	
23	Sơn tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	143,835	m2	
24	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	109,491	m2	
	VỆ SINH, CHÀ RON NỀN			
25	Vệ sinh, chà ron nền	37,428	m2	
26	Dọn vệ sinh công trình phục vụ nghiệm thu bàn giao (NC)	10,000	công	
Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):				**X1**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(*1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSYC, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với các hạng mục công việc nêu trong HSYC, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.*

Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột "Mô tả công việc". Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSYC và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại các hạng mục công việc nêu trong HSYC. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong các hạng mục công việc nêu trong HSYC nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện các hạng mục công việc nêu trong HSYC thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

Mẫu số 04B

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(4) x (6)*
I	**Các hạng mục**					**A=A1+A2+…**
I.1	***Hạng mục 1***					**A1**
1	*…*					
2	*…*					
I.2	***Hạng mục 2***					**A2**
1	*…*					
2	*…*					
..	*…*					**…**
II	**Chi phí dự phòng**					
1	*Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh(*)*		*b1%*			***B1 = b1% x A***
2	*Chi phí công nhật*					***Y1***
3	*Chi phí cho các khoản tạm tính khác*					***Y2***
Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):						**X2=A+B1+Y1+Y2**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu

thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Mẫu số 04C

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(4) x (6)*
I	**Các hạng mục**					**A=A1+A2+…**
I.1	***Hạng mục 1***					**A1**
1	*…*					
2	*…*					
I.2	***Hạng mục 2***					**A2**
1	*…*					
2	*…*					
..	*…*					**…**
II	***Chi phí dự phòng***					
1	*Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (*)*		*b2%*			***B2 = b2% x A***
2	*Chi phí công nhật*					***Y1***
3	*Chi phí cho các khoản tạm tính khác*					***Y2***
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						**X3=A+B2+Y1 +Y2**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc,

bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

Mẫu số 04D

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Đối với loại hợp đồng theo kết quả đầu ra)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(4)x(6)*
1	***Hạng mục 1***					**A1**
1.1	*...*					
1.2	*...*					
2	***Hạng mục 2***					**A2**
2.1	*...*					
2.2	*...*					
..	*...*					**…**
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						**X4=A1+A2+…**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6), (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Mẫu số 04E

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói[(1)]

STT	Mô tả công việc[(2)]	Khối lượng tham khảo[(3)]	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục[(4)]
1	*Hạng mục 1*			
2	*Hạng mục 2*			
..				
Tổng cộng:				X1

Ghi chú:

(*1) Giá dự thầu của các hạng mục này được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSYC, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong các hạng mục này khác so với các hạng mục công việc áp dụng loại hợp đồng trọn gói nêu trong HSYC, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.*

Giá dự thầu cho các hạng mục này là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột "Mô tả công việc". Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá các hạng mục.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá của các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSYC và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá của các hạng mục. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp

nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(4) x (6)*
I	**Các hạng mục**					**A=A1+A2+…**
I.1	***Hạng mục 1***					**A1**
1	*…*					
2	*…*					
I.2	***Hạng mục 2***					**A2**
1	*…*					
2	*…*					
..	*…*					**…**
II	***Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh(*)***		*b1%*			***B1 = b1% x A***
Tổng cộng*:*						**X2=A+B1**

Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu

chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(4) x (6)*
I	**Các hạng mục**					**A=A1+A2+…**
I.1	*Hạng mục 1*					A1
1	*…*					
2	*…*					
I.2	*Hạng mục 2*					A2
1	*…*					
2	*…*					
..	*…*					…
II	**Chi phí dự phòng**					
1	*Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (*)*		*b2%*			*B2 = b2% x A*
Tổng cộng*:*						**X3=A+B2**

Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(4)x(6)*
I.1	***Hạng mục 1***					**A1**
1	*...*					
...	*...*					
I.2	***Hạng mục 2***					**A2**
1	*...*					
..	*...*					**…**
Tổng cộng*:*						**X4=A1+A2+…**

Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6), (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

V. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Các hạng mục	Thành tiền
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
IV	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra	X4
V	Chi phí công nhật	Y1
VI	Chi phí cho các khoản tạm tính	Y2
	Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):	X=X1+X2+X3+X4+Y1+Y2

Mẫu số 04G

BẢNG KÊ CÔNG NHẬT

1. Quy định chung

a) Bảng kê Công nhật thông thường được áp dụng đối với các gói thầu có khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Trường hợp cần đưa Bảng kê Công nhật vào HSYC thì phải ghi rõ khối lượng, số lượng danh nghĩa đối với các hạng mục có khả năng phải sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào giá. Giá dự thầu cho phần công nhật được kết chuyển vào phần Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSĐX.

b) Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm Chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong HSĐX. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh công nhật hoặc các công việc tạm tính khác thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

c) Các công việc sẽ không được thực hiện trên cơ sở công nhật trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải điền đơn giá, thành tiền cho các hạng mục công nhật trong các Bảng nhân công, vật liệu, thiết bị. Đơn giá do nhà thầu chào sẽ được áp dụng đối với bất kỳ khối lượng công nhật nào được Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện. Trừ khi hợp đồng có quy định khác, các khoản thanh toán cho công nhật sẽ phụ thuộc vào quy định về điều chỉnh giá trong Điều kiện hợp đồng.

2. Nhân công tính theo Công nhật

a) Khi tính toán các khoản thanh toán cho nhà thầu theo công nhật, số giờ cho nhân công sẽ được tính từ thời điểm nhân công đến hiện trường để thực hiện hạng mục công nhật đến thời điểm nhân công quay trở về nơi xuất phát ban đầu, nhưng không bao gồm thời gian nghỉ ăn trưa và những khoảng thời gian nghỉ khác. Chỉ có thời gian của các nhân công trực tiếp làm công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư và công việc mà nhân công có khả năng thực hiện mới được tính chi phí. Thời gian đội trưởng tham gia xây lắp cùng tập thể lao động cũng sẽ được tính nhưng không tính thời gian của đốc công hoặc nhân sự giám sát khác.

b) Nhà thầu được thanh toán đối với tổng số thời gian mà nhân công được thuê theo công nhật. Giá trị thanh toán được tính theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công.** Đơn giá được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) tất cả các chi phí phải thanh toán cho nhà thầu như:

- Số tiền lương trả cho người lao động;

- Chi phí đi lại, làm thêm giờ, sinh hoạt phí;

- Các chi phí về phúc lợi xã hội liên quan;

- Lợi nhuận của nhà thầu, chi phí quản lý, giám sát, bảo hiểm;

- Chi phí điện, nước, an ninh, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, hành chính, văn thư và các chi phí liên quan khác.

3. Vật liệu tính theo Công nhật

Nhà thầu sẽ được thanh toán đối với vật liệu được sử dụng để thực hiện công việc theo công nhật với đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 2. Vật liệu.** Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm chi phí quản lý, lợi nhuận như sau:

a) Đơn giá vật liệu sẽ được tính trên cơ sở giá ghi trên hóa đơn cộng với các chi phí để giao vật liệu đến kho tại Công trường bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, chi phí bốc dỡ, thiệt hại, tổn thất…;

b) Chi phí vận chuyển vật liệu để sử dụng vào công việc được yêu cầu thực hiện theo công nhật từ kho chứa tại Công trường đến địa điểm mà vật liệu được sử dụng sẽ được thanh toán theo các điều khoản về Nhân công và Thiết bị thi công trong Bảng này.

4. Thiết bị của nhà thầu tính theo Công nhật

a) Nhà thầu được thanh toán đối với Thiết bị của nhà thầu đã có tại Công trường và được sử dụng vào công việc theo công nhật theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 3. Thiết bị của nhà thầu.** Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) các khoản chi phí sau:

- Chi phí khấu hao thiết bị;

- Chi phí lãi suất, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm, sửa chữa, bảo trì, vật tư, nhiên liệu, dầu nhờn và vật tư tiêu hao khác;

- Lợi nhuận và chi phí quản lý liên quan đến việc sử dụng các thiết bị.

Chi phí cho nhân viên vận hành thiết bị và trợ lý sẽ được thanh toán riêng như mô tả tại phần Nhân công tính theo Công nhật.

b) Chỉ có số giờ vận hành thực sự của thiết bị để thực hiện các công việc theo công nhật mới đủ điều kiện để thanh toán; trừ trường hợp Chủ đầu tư chấp nhận thanh toán đối với thời gian di chuyển thiết bị từ Công trường nơi thiết bị được đặt đến vị trí thi công các công việc theo công nhật và thời gian di chuyển thiết bị về vị trí ban đầu.

Bảng đơn giá công nhật

1. Nhân công

Công việc số	Mô tả(1)	Đơn vị(2)	Số lượng danh nghĩa(3)	Đơn giá(4)	Thành tiền(5) (VND)
1	*Trưởng nhóm*	*giờ*	*50*		
2	*Công nhân phổ thông*	*giờ*	*500*		
3	*Thợ nề*	*giờ*	*200*		
4	*Thợ hồ*	*giờ*	*200*		
5	*Thợ mộc*	*giờ*	*100*		
6	*Thợ sắt*	*giờ*	*100*		
7	*Lái xe đến 10 tấn*	*giờ*	*100*		
...	*....*				
	Tổng giá cho Công nhật: Nhân công (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(C1)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột "Mô tả".

Bảng Đơn giá Công nhật
2. Vật liệu

Công việc số	Mô tả[(1)]	Đơn vị[(2)]	Số lượng danh nghĩa[(3)]	Đơn giá[(4)]	Thành tiền[(5)] (VND)
1	*Xi măng Portland*	*tấn*	*0,5*		
2	*Thanh gia cố thép dẻo có đường kính 16mmØ đến M-31 hoặc tương đương*	*kg*	*100*		
3	*Đường ống gang dẻo (800mm Ø)*	*m*	*12*		
...	.....				
	Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(C2)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột "Mô tả".

Bảng Đơn giá Công nhật
3. Thiết bị của Nhà thầu

Công việc số	Mô tả(1)	Đơn vị(2)	Số lượng danh nghĩa(3)	Đơn giá(4)	Thành tiền(5) (VND)
1	*Máy cẩu bánh xích, 10 -15 tấn*	*giờ*	*10*		
2	*Ô tô cần trục, 25-50 tấn*	*giờ*	*15*		
3	*Máy đào thủy lực, 170Hp*	*giờ*	*10*		
4	*Máy san ủi, 3m, 100Hp*	*giờ*	*20*		
5	*Xe téc chở nước, 5000 lít*	*giờ*	*30*		
6	*Máy nén khí, 6000 lít/phút*	*giờ*	*40*		
...	*....*				
Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của Nhà thầu (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)					(C3)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột "Mô tả".

Bảng Công nhật tổng hợp

	Thành tiền (VND)
1. Tổng giá cho Công nhật: Nhân công	(C1)
2. Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu	(C2)
3. Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của nhà thầu	(C3)
Tổng giá cho Công nhật (kết chuyển sang cột "số tiền" của Chi phí công nhật trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)	**Y1**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 04H

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN TẠM TÍNH

Phần chi phí cho các khoản tạm tính sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSĐX. Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong HSĐX. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh các công việc theo mô tả thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

Bảng số	**Công việc số**	**Mô tả[(1)]**	**Thành tiền (VND)[(2)]**
...			
….			
Tổng các khoản tạm tính (kết chuyển sang cột "số tiền" của Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)			**Y2**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Do Chủ đầu tư điền nội dung công việc để nhà thầu làm căn cứ chào trong HSĐX theo đúng nội dung công việc nêu trong HSYC.

(2) Nhà thầu ghi thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột "Mô tả".

Mẫu số 04I

BẢNG KÊ SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH

(*áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)*

Do Chủ đầu tư ghi

Do Nhà thầu ghi

Mã Chỉ số	Mô tả Chỉ số	Nguồn Chỉ số	Giá trị cơ sở và Ngày cơ sở	Số tiền	Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất
	Không điều chỉnh	—	—	—	a: 0.10 ~ 0.20
	Điều chỉnh	—	—	—	b: c: d: e:
			Tổng cộng		**1.00**

Mẫu số 05

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU (1)

Ngày: _____
Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: *[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]*
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*:
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 06

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng	*[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	*[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]*	*[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ___ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	*[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại kể cả mã quốc gia, mã vùng]* *[ghi địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II (2)			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	*[ghi thông tin trong hợp đồng]*		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	*[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]*		
3. Quy mô thực hiện	*[ghi thông tin trong hợp đồng]*		
4. Phương pháp, công nghệ	*[ghi thông tin trong hợp đồng]*		
5. Các nội dung khác	*[ghi thông tin (nếu có)]*		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự thì bỏ qua Bảng này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 07A

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì HSĐX bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	**Họ và tên**	**Vị trí công việc**
1	*[ghi thông tin họ và tên nhân sự chủ chốt trong HSĐX]*	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
2		
…		

Mẫu số 07B

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						**Công việc hiện tại**					
STT	**Tên**	**Căn cước công dân/ Hộ chiếu**	**Vị trí**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn**	**Tên người sử dụng lao động**	**Địa chỉ của người sử dụng lao động**	**Chức danh**	**Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại**	**Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)**	**Điện thoại/ Email**
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
…											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin trong HSĐX theo yêu cầu tại Bảng trên.

Mẫu số 07C

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]			
…	…			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

Mẫu số 07D

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Thông tin thiết bị							Hiện trạng		
	Loại thiết bị	**Tên nhà sản xuất**	**Đời máy (model)**	**Công suất**	**Năm sản xuất**	**Tính năng**	**Xuất xứ**	**Địa điểm hiện tại của thiết bị**	**Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại**	**Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)**

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

STT	Chủ sở hữu					Thỏa thuận
	Loại thiết bị	**Tên chủ sở hữu**	**Địa chỉ chủ sở hữu**	**Số điện thoại**	**Địa chỉ email**	**Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án**

Mẫu số 08

HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ(1)

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II			
☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II. ☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:_____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSĐX của

nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 09A

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ____ ***(nhà thầu điền nội dung này)***		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC		
	Năm 1:	**Năm 2:**	**Năm 3:**
Tổng tài sản			
Tổng nợ phải trả			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) [2]			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các báo cáo tình hình tài chính bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09B

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH [(1)]

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao[(2)], hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 09C Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	**Nguồn tài chính**	**Số tiền (VND)**
1		
2		
3		
4		
5		
…		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

NLTC = TNL – ĐTH

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;

- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);

- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 09C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC)

tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và trong HSĐX của nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 09C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

Mẫu số 09C

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN [(1)]

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, email)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A)[(2)]	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B)[(3)]	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
…						
A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành trong viên liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 10A

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ(1)

STT	Tên nhà thầu phụ(2)	Phạm vi công việc(3)	Khối lượng công việc(4)	Giá trị % ước tính(5)	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)(6)
1					
2					
…					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSYC có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 12.2 Chương I. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 12.2 Chương I.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản chụp được chứng thực các tài liệu này trong HSĐX. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 10B

BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT[1]

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Chương II.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt[2]	Phạm vi công việc[3]	Khối lượng công việc[4]	Giá trị % ước tính[5]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt[6]
1					
2					
…					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.

(3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm các tài liệu này trong HSĐX.

Mẫu số 10C

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU[(1)]

STT	Tên công ty con, công ty thành viên[(2)]	Công việc đảm nhận trong gói thầu[(3)]	Giá trị % so với giá dự thầu[(4)]	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
…				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 11

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	**Công trình**	**Địa điểm**	**Thời gian hoàn thành công trình**		**Thời gian hoàn thành công trình do nhà thầu đề xuất** *[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]*
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất *[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]*	**Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất** *[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Chủ đầu tư điền theo yêu cầu tại Chương IV.

(6): Nhà thầu đề xuất.

Phần 2. YÊU VẦU VỀ XÂY LẮP

Chương IV. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

2. Thời hạn hoàn thành.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
…			

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Quy định kỹ thuật chính xác và rõ ràng là một điều kiện tiên quyết để nhà thầu đáp ứng một cách thực tế và cạnh tranh các yêu cầu của Chủ đầu tư mà không đặt điều kiện cho HSĐX của nhà thầu. Quy định kỹ thuật phải được soạn thảo để không làm hạn chế cạnh tranh, đồng thời nêu rõ các yêu cầu về trình độ tay nghề, vật tư và hiệu suất sử dụng của các hàng hóa và dịch vụ được cung cấp. Quy định kỹ thuật cần yêu cầu rằng tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng.

2. Trong yêu cầu về mặt kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu.

3. Chủ đầu tư được đưa ra yêu cầu về ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác. Nhà thầu được chào theo ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ các nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ

yêu cầu hoặc ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ khác có chất lượng hàng hóa (đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng) tương đương hoặc tốt hơn.

4. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng (nếu có);

5. Đấu thầu bền vững: Trường hợp có yêu cầu về đấu thầu bền vững thì Chủ đầu tư cần đưa ra quy định bảo đảm sự thân thiện với môi trường, xã hội (sử dụng vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị được chứng nhận nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, vật liệu không nung, vật liệu bền vững, thân thiện môi trường, vật liệu có khả năng tái chế, tái sử dụng; biện pháp thi công nhằm hạn chế mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực tới mặt bằng, khu vực thi công…) nhưng phải bảo đảm các quy định này là rõ ràng, không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

6. Đối với phạm vi công việc gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra, các yêu cầu về kỹ thuật do Chủ đầu tư đưa ra cần chú trọng vào sản phẩm đầu ra như tiêu chuẩn, quy cách, thông số kỹ thuật, chất lượng... của các công việc này. Chủ đầu tư cũng cần nêu các tiêu chuẩn thi công nhà thầu phải đáp ứng, nhà thầu có thể áp dụng các tiêu chuẩn khác nhưng phải chứng minh các tiêu chuẩn này tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn do Chủ đầu tư yêu cầu. Về cơ bản, HSYC không cần nêu quy trình, phương pháp thực hiện dịch vụ cụ thể mà nhà thầu phải tuân theo. Nhà thầu được quyền đề xuất quy trình, phương pháp thực hiện mà nhà thầu thấy là thích hợp để thực hiện gói thầu.

Yêu cầu về kỹ thuật cần thể hiện các mức độ đáp ứng yêu cầu về kết quả đầu ra tương ứng với số tiền bị giảm trừ giá trị thanh toán trong quá trình khai thác công trình; yêu cầu về chất lượng, độ bền công trình và các yêu cầu khác.

IV. Các bản vẽ

HSYC này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			
2			
…			

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng của gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia sử dụng các Chương VI, VII, VIII của Mẫu E-HSMT xây lắp một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC để xây dựng các Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG, Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ, Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG cho phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 79/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 79/2025/TT-BTC.

Lưu ý: khi sử dụng cần thay đổi các thuật ngữ cho phù hợp như sau:

- E-ĐKC thành ĐKC;

- E-ĐKCT thành ĐKCT;

- E-HSMT thành HSYC;

- E-HSDT thành HSĐX.